

## ĐẠI TỶ-LÔ-GIÁ-NA THÀNH PHẬT KINH SỐ QUYỂN 8

### **Phẩm 2: NHẬP MẠN-ĐỒ-LA CỤ DUYÊN** (Phần còn lại)

**Kinh chép:** Hoặc dùng tâm cúng dường tất cả mọi người đều làm như Đức Thế-tôn đã dạy: Trong các thứ cúng dường tâm là cao cả, ở trước mỗi vật cúng dường, đều phải vận dụng cùng khắp pháp giới, trì chân ngôn bí mật ấn, như trong “cúng dường thứ lớp” có nói rộng. Hoặc xem Đại Bảo Thọ vương trùm khắp tất cả thế giới, như tướng Hoa Nghiêm Bồ-đề thọ vương đầy đủ trang nghiêm, tùy theo mỗi vị cần thọ dụng đều đầy đủ, đều ở trong đó phát sinh ra không có cùng tận, khắp đến trước tất cả hiền Thánh, cúng dường rộng khắp và cứu giúp tất cả chúng sinh, vận dụng tâm như vậy rồi, phải dùng hư không tạng chuyển minh phi gia trì, tự nhiên tùy ý thành tựu.

Kế là nói cách làm bình cát tường, phải dùng các thứ báu như: vàng, bạc... thậm chí người không có thì nên dùng đồ sứ hoặc ngói sạch để làm, khiến hết sức tròn đầy ngay thẳng, lại không bị rỉ nước ra ngoài, như trong Tỳ-ni tìm cách xem lọc nước sạch đựng đầy trong đó, bên trong năm thứ báu, năm thứ hạt và năm thứ thuốc, trong Cù-hê có nói, nhưng ở đây xét năm thứ thuốc xuất xứ ở ngũ thiên, Trung quốc có hay không? Có thể khắp có được như thế. Trước đã nói bột hương xoa hòa với nước, sấm cả long não, ngư hoàng, ở miệng bình cầm lấy hoa báu, hoặc tùy theo phương hướng cõi nước. Chỉ có các hoa quý, lấy hoa, quả, cành, lá, tốt đẹp đầy đủ kia, xen kẽ nhau rải ra, cho thật trang nghiêm, lấy lụa màu buộc ở cổ và buộc ở tràng hoa, lấy các hương mà phết lên, phương tiện kết lại, giữ gìn cho sạch, cũng như trong “cúng dường thứ đệ” có nói.

Trong thai tạng phải đặt năm cái bình, ở giữa đại nhật bình đầu tiên đặt trên đài hoa, các bình khác đặt ở ngoài hoa hoặc trong nhị. Hễ khi cúng thức ăn thai tạng thì bốn Đức Phật và bốn vị Bồ-tát đều tùy theo chỗ ngồi chính trong đài hoa, dâng cúng Tỳ-lô-giá-na đặt trước đài

hoa.

Nếu người có khả năng thì ở mỗi một tôn vị đều đặt một bình. Nếu không thể như vậy thì đặt theo hướng trong ngoài ở chỗ chư tôn thượng thủ, ở bốn cửa đều đặt một bình, bốn góc mỗi góc đặt một bình, cửa thông ra ngoài có một bình riêng.

Dùng Hàng tam thế chân ngôn gia trì, khi ra vào thì rưới vào thân tự hộ và khi gọi đệ tử vào cũng dùng để rưới. Chủ Hộ-ma lại đặt riêng một bình. Tóm tắt sơ lược có thể hơn trăm bình.

**Kinh chép:** Sáu bình ấy là số hạn rất ít, phải ở trong bốn phương của thai tạng đều đặt một bình, ngoài cửa đặt một bình chắc chắn không được thiếu.

Nếu dùng mười tám bình ấy, trong thai đặt một bình ở viện thứ hai, chỗ Đại Cần Động đứng đầu loại Liên Hoa Kim Cang, đến cửa đại khái bốn bình bốn vị Bồ-tát ở viện thứ hai, đó là Văn-thù... đều đặt một bình, bốn cửa bốn góc ngoài viện, và ngoài cửa người, sử dụng thích hợp, đủ để dùng cho người muốn thọ quán đảnh, nếu đông thì mỗi vị đều tùy theo số người khiến làm một bình, không được thiếu; giống như hương, nước, bình, các bình đựng át-già cũng giống như vậy, thường dùng vàng, bạc, lưu ly... làm đế.

Cho đến vỏ ốc, đồng luyện, gỗ, đá, hoặc dùng cây, lá, ngói mới, đựng các nước hoa, đặt các hoa quý, như chỗ trước đã đặt bình cũng mỗi chỗ đặt một bình.

Lại phải ở chỗ chư tôn đều dâng cúng y sạch, như trước đã nói. Chư tôn thượng thủ cũng y theo pháp dâng cúng thức ăn thêm gấp bội xong. Cho nên nói tất cả dâng cúng đều gồm cả y phục. Nếu người không thể mua sắm thì chỉ đặt ở chỗ chư tôn thượng thủ, hoặc dùng cái rương nhỏ tùy theo kia đặt ở giữa thai tạng trong viện. Vận dụng tâm cúng dường tất cả các tôn vị, hễ trong thai tạng dâng cúng đầy đủ phải đặt ngoài thai tạng một lớp trong không giới.

Nếu dâng cúng chư tôn vô danh phải đặt ba lớp giữa đường phân giới. Lại khi cúng dường, trước phải dâng cúng nước át-già, tiếp theo dâng hương xoa, kế là dâng hoa, hương đốt, đồ ăn uống, sau dâng cúng đèn. Văn kinh trước sau không thứ lớp.

Lại nữa, nếu giải thích theo thâm bí thì hương xoa nghĩa là tịnh, như hương xoa ở thế gian có thể sinh sự dơ bẩn, dứt trừ nóng bức. Nay hành giả dùng nước át-già giống như hư không rửa sạch một trăm sáu mươi thứ dơ bẩn nói lời vô ích trong tâm Bồ-đề, do trụ giới vô vi xông ướp, nhiệt não sinh tử trừ diệt, được tánh trong mát, do đó nói hương

bột, có chỗ nói hoa là từ nghĩa từ bi sinh ra, tức là hạt giống tâm tịnh này ở trong Đại bi thai tạng, nở đầy muôn hạnh trang nghiêm cây Bồ-đề Phật, do đó nói là hoa. Hương đốt là nghĩa khắp đến pháp giới như khi thọ vương nở rộ, hương thơm ngược gió, thuận gió tự nhiên tỏa khắp, hương Bồ-đề cũng giống như vậy, tùy theo mỗi công đức mà làm lửa tuệ đốt cháy, gió giải thoát thổi lên theo năng lực bi nguyện, tự tại xoay vần huân xông khắp tất cả, vì thế nói là hương đốt. Ẩm thực là vị cam lồ vô thượng không sinh, không tử. Nếu khi ăn uống vị này thì quả đức thành thực không còn gì hơn, tức gọi là nhập chứng, do đó nói là thực. Cái gọi là đăng: Nghĩa là ánh sáng Như lai phá tan sự tăm tối, khi nói về quả đức thì tâm chướng đều tiêu diệt, chuyển vô tận tuệ chiếu khắp chúng sinh, do đó gọi là đăng. Nếu nói theo chiều dọc thì trong mỗi địa đều đầy đủ năm nghĩa như vậy. Nếu nói theo chiều ngang thì trong mỗi môn đều đầy đủ năm nghĩa như vậy, chẳng hạn như văn trên nói về các thức ăn, nếu hợp khẩu thì giống nhau, nhưng tùy theo bàn tay người khéo điều chế thức ăn mà có các vị ngon khác nhau.

Ngoài ra, hương hoa... phải biết so với đây mà hiểu. Nếu hành giả khéo dùng năm tự môn, làm vũ khí kim cương khắp ứng với chúng sinh, ví như hòa năm vị ngọt, chua, đắng, cay, mặn, bày năm màu (xanh, đỏ, vàng, trắng, đen), vận năm âm (cung, thương, đốc, chủy, vũ) chế năm thứ thuốc, tuy tánh chia không ngoài năm thứ nhưng ngàn biến muôn hóa khéo chuyển khác nhau, phải biết người đó sẽ hiểu nghĩa Tam-muội đồ hương, cũng hiểu nghĩa Tam-muội hoa, Tam-muội thiêu hương, Tam-muội ẩm thực đăng minh, cũng hiểu nghĩa năm thứ Đà-la-ni này. Đem đầy đủ các pháp môn như vậy cúng dường tâm vương Như lai, có thể khiến chư tôn hoan hỷ, chỗ mong cầu chắc chắn đạt được. Nếu đem ý thú này quán trở lại hương hoa... ở thế đế, tự nhiên biết tánh phần sắc hương kia đều nên sự dụng, vô lượng phương tiện tiếp xúc chúng sinh mà sinh ra.

**Kinh chép:** Tu cúng dường như thế, sau dẫn người đáng độ, dưới đây nói chính khi tác pháp, gia trì thì chi phần giáo thọ và chi phần Hộ-ma, y theo gia trì giáo thọ, hễ trả lời ba câu hỏi của kim cương thủ. Đó là Vì sao dắt dẫn đệ tử? Vì sao dạy quán đánh? Vì sao cúng dường thầy?

Hỏi ba câu này xong rồi, mới hỏi chỗ Hộ-ma. Nay ở đây trả lời, trước nói dắt dẫn đệ tử xong, liền nói Hộ-ma, chỗ vừa trả lời còn lại hai câu, nhưng trong Hộ-ma chung cho tất cả các pháp sự, không chỉ gia trì đệ tử mà thôi. Cho nên làm riêng một loại chi phần, ở trong quyển trước đã nói đêm thứ bảy chính là thời tác pháp vẽ đồ tướng Mạn-đồ-la, trong

đó nói riêng về chi phần quan trọng, đó là do thế vẫn bị đứt quãng.

Nay lại nương vào văn trước lần lượt nói ra, A-xà-lê đã vẽ Mạn-đồ-la xong, quán sát khắp cả biết đã đầy đủ, mới ra ngoài đứng như pháp sái tịnh, như trước đã vận dụng tâm lay khắp tất cả Như lai, sám hối quy y tự thanh tịnh ba nghiệp, sau đó y pháp cúng dường, kết Tam-muội-da minh... để hộ thân kia, các vật cúng dường kia, cũng dùng chân ngôn bất động khử dơ, trừ sạch cho thanh tịnh. Đúng như pháp mà sắp sẵn trước, lại phải mặc y phục kim cang... khiến mỗi thứ đều đúng như pháp.

A-xà-lê nói: Khi làm thân Như lai, thì mặc áo Như lai, khi làm thân kim cang thì mặc áo kim cang, phải thay đổi mà dùng. Lại y theo Tô-tất-địa... Lấy các tướng ánh sáng ở nhục kế Như lai để tự trang nghiêm thân thật tốt, hoặc có thể dùng chung, hoặc thành tựu các việc chân ngôn mà làm.

Làm như thế xong, sau đó đến ngôi vị Mạn-đồ-la, tùy chỗ đáng ngôi mà ngôi, trụ trong Du-già. Trước dùng tự môn La khắp làm thanh tịnh tâm kia, sau lại làm thanh tịnh đất đạo tràng, đều trừ các tai hoạ giống như hư không. Sau đó dùng tự môn A khởi đại phong luân, ở trên phong luân dùng tự môn phạ khởi hương thủy hải, liền dùng tự môn A khởi kim cang địa và núi chúa Diệu Cao, phải biết Mạn-đồ-la này, tức là ở trên, như phương tiện trong Cúng Dường Thứ lớp, quán các thứ trang nghiêm, dùng hư không tạng giữ gìn, tiếp đến trên mỗi ngôi vị chư tôn trong Mạn-đồ-la, đều quán hạt giống chữ gốc, từ các chữ này đều chuyển thành thân bản tôn.

Nếu A-xà-lê kia, quán đạo chưa thông sợ kéo dài thời tiết, chỉ ở trong thai tạng trên đài hoa sen mà quán tự môn A. tự môn phát ra vô lượng ánh sáng chiếu khắp các chỗ ngôi chư tôn, bấy giờ, chư tôn liền hiện ra, lúc ấy dùng phương tiện chuyển quán chư tôn như thế cùng thân ta không hai, không khác, tức là chư tôn liền ở trong thân.

A-xà-lê nói: Nếu hành giả chưa trụ Du-già, làm sao có thể tạo thành đàn pháp. Như thế cho đến khi mới kiến lập đã quán ở trong thân, sau đó mới vẽ bản đồ. Nếu A-xà-lê tu hành sâu xa thì giống với chúng Thánh ở Đại bi thai tạng, cùng chứng biết đó là tâm ta, cùng mười câu duyên sanh kia rốt ráo không thật có. Quán bản tôn rồi, sau lại vận dụng tâm làm các thừa báu, dùng chân ngôn ấn bất động gia trì, đón rước các Thánh và làm sạch đường đi, sau đó mời thỉnh.

Cù-hê chép: Phải mỗi mỗi dùng bản chân ngôn phụng thỉnh hoặc dùng chân ngôn chủ Mạn-đồ-la đều thỉnh các tôn vị, hoặc nương vào

bản giáo đã nói, phải theo ý rộng, lược, gồm dùng ấn triệu thỉnh chân ngôn.

Lại tông kinh này tức ở bản tòa thọ thỉnh, lại vì bất lai tướng mà đến đạo tràng này, không giống như trong phương tiện thô sơ có tướng kia đây, đại chúng nhóm họp xong, nên dùng bất động minh để dứt trừ các chướng, liền chỉ bày ba thứ Tam-muội-da để gia trì, lại phải dâng nước át-già và trải tòa ngồi, mà nói rằng. Lành thay, Đức Thế-tôn! Lành thay, Đức Thế-tôn! Vì năng lực bản nguyện mà đến, vì thương xót gia trì, nhân sự cầu thỉnh và cúng dường tinh diệu này, vì đại từ bi xin rủ lòng thương xót mà nạp thọ.

Bấy giờ, A-xà-lê muốn làm việc kim cang, lại dùng dao tuệ vô động tự cắt đứt chướng của thân, chuyển làm kim cang Tát-đỏa hàng phục nghiệp ma, vẫn dùng năng lực trí tuệ kiết giới các phương, lại bốn đại hộ, mỗi vị hộ mỗi phương, lại trì vô kham nhẫn đại hộ đều hộ khắp, A-xà-lê nói: Hễ tạo Mạn-đồ-la thì từ trước đến nay đều dùng bất động tôn, hoặc đem hàng tam Thế-tôn che chở đất đó. Trong đó mỗi khi trì tụng, liền như pháp kiết giới xong trở lại giải, đến đêm tác pháp lại cắt trong dây kim cang kiết giới đầy đủ. Chỗ đàn Hộ-ma quán đảnh kia, phải ở ngoài Mạn-đồ-la, lại dùng dây giăng chung quanh, khiến cùng thông với nội giới và đặt cửa ra vào, ở ngoài giới Mạn-đồ-la khắp dùng dây kim cang vây bọc chung quanh đến khi Hộ-ma cúng dường, cũng phải vận tâm ở cửa thông chỗ được kim cang lên, khiến chư tôn qua lại thông suốt, lại khi kiết giới chỉ nên ở bản tòa như thường mà tác pháp.

Nếu muốn đi quanh một vòng để kiết giới chung quanh cũng đều thành tựu. Nếu kiết giới rồi bỗng nhiên vọng niệm, giới bị phá hoặc các việc ma khởi liền phải nhớ nghĩ Từ vô kham nhẫn đại hộ, nếu muốn cho bất cứ lúc nào cũng không chướng ngại giới chung quanh giới kia và vật cúng dường... đều trước cần đại hộ giữ gìn, sau khi khởi chướng lại phải dùng lại.

Kế đến phải làm lễ dâng nước át-già, dùng năng lực đại bi rải khắp các vật cúng dường, toàn dùng pháp giới tâm bất tư nghi. Nếu khi dâng cúng hương hoa thì phải trụ ở chân ngôn hương xoa mà giữ. Khi theo thứ lớp cúng dường, lại mỗi mỗi dùng thêm chân ngôn của tôn vị kia, hoặc chung, hoặc riêng, hoặc để tự giữ gìn, ngoài kia ra, các vật cúng dường đều lệ theo đây.

Lại phải tác pháp tâm cúng dường, giữ gìn hư không tạng minh, cho đến kim cang A-lợ-sa ngâm đọc, khen ngợi, sau lại ra ngoài bố thí cho quỷ thần ở chỗ hoang vắng. Căn cứ theo đồ tượng, ở ngoài cửa

Đông bố thí cho Tỳ-na-dã-ca, ngoài cửa nam bố thí cho Chi-nghiệt-phiếu-hà, đó là loại ma quỷ nương tựa người, ngoài cửa Tây bố thí cho Nghiệt-la, đó là loài làm tật bệnh và dịch lệ.

Ở ngoài cửa Bắc bố thí cho Đê-cát-nhĩ, ở cửa hai bên, mỗi cửa đều đặt bốn vị. Nhưng Cù-hê chép: Đều là La-sát Tỳ-xá-giá bộ-đa, các loại ăn uống máu thịt, các loài phi nhân, hoặc ở đất, hoặc ở rừng cây, cũng đem tâm nhớ nghĩ đến, mỗi mỗi đều tùy theo nơi ở gốc mỗi nhóm hợp mà bố thí, tất cả thức ăn cúng dường Mạn-đồ-la, thấy đều lấy hòa hợp một chỗ, cùng với các hương hoa... cũng đều trích ra phần ấy, cùng để một chỗ, A-xà-lê phải khởi tâm đại bi pháp thí không hạn lượng, ở trong Du-già, quán làm các vật thọ dụng, cũng dùng hư không tặng chuyển minh gia trì, dùng để thí khắp, các quỷ thần thọ thức ăn này, không làm chướng ngại Mạn-đồ-la. Phải bắt đầu từ phương Đông, sau đến phương Nam, Tây, Bắc, như thế một vòng đã xong, lại bố thí ở phương Đông bắc, kế đến phương Đông nam, phương Tây nam, phương Tây bắc lại xong một vòng.

Lại đến phía Đông của đàn bố thí cho quỷ thần ở phương trên ăn, lại đến phía Tây của đàn bố thí cho quỷ thần của phương dưới ăn. Tất cả gồm ba lần cho thức ăn, đối với các pháp sự thì pháp này rất khó, phải tự hiện các loại hình tướng rất đáng sợ, hoặc nghe tiếng lớn sấm động, Dã can rống... các tướng kỳ lạ như thế, A-xà-lê phải tự khéo an tâm, lại khi muốn bố thí, trước lại giữ gìn thân kia khiến tất cả đứng như pháp, nếu kia ăn hết xin thêm, lại phải bố thí cho đầy đủ, làm cho chúng vui mừng. Nếu tài vật ít thì chỉ theo vật mình đã có mà thôi.

Hễ trong đàn vật dâng cúng cũng phải đem tâm bình đẳng, không được có chỗ thiếu thốn. Cù-hê chép: Nếu khi hành thực, lầm lỡ thiếu ít, liền phải bù vào vẫn xin hoan hỷ, làm loại thức ăn gì, nếu không khắp cả, nên lấy vật khác thế vào số đó. Bố thí thức ăn các phương đã xong, rửa tay sái tịnh, ở trước cửa đốt hương cúng dường, kế đến vào bên trong dâng cúng nước át-già, đốt hương, vận tâm dâng cúng y phục để làm sẵn thí, sau đó ở tòa Du-già dùng ngũ luân tự giữ thân, dầu đặt bách quang biến chiếu vương, dùng vô cấu nhãn quán tưởng, đài hoa tự tâm, tự vốn bất sinh mới thực hành phổ môn trì tụng.

Trước hết ở trong trắng tâm Tỳ-lô-giá-na sáng hiện chân ngôn, sau đó tụng trì và chỉ bày mật ấn, khắp quanh trong thai tạng rồi, lại đến chư tôn ở viện thứ hai, cho đến cuối cùng xong, hoặc quán mỗi mỗi hiện ra trước mà thực hành trì tụng, hoặc tự thân làm bản tôn kia, ở trong tâm trắng ấy, hiện chữ chân ngôn để trì tụng, cho đến nhanh chóng làm

thân Mạn-đồ-la, tùy theo hành giả quán sát và sức mạnh của tâm. Nếu không thể như vậy thì phải nhất tâm tụng bộ chữ chân ngôn trăm biến. Ngoài ra chư tôn thượng thủ mỗi vị đều tụng bảy biến và bắt ấn kia, đầy đủ như trong cúng dường thứ lớp có nói. Ngôi vị quán đảnh của Pháp vương tử, sinh trong dòng họ Như lai, khi làm việc hay nghỉ ngơi đều không quên các Đức Phật. Nay trong kinh này, thường muốn nói tất cả chân ngôn, liền nói khắp quy mạng tất cả các Đức Phật chính là ý này.

Nói tịnh Phật: Trong pháp Thanh văn, A-la-hán cũng gọi là Phật, các Đại thừa khác chưa rõ nghĩa kinh, cũng có nghĩa thành Phật nhưng chưa được gọi là già tịnh. Nay chính nói bản tâm là thường Phật, đem chữ tịnh phân biệt, bản Phạm dịch đúng là Phật gia, phải nói là Phật bộ, là nghĩa dòng họ, bộ loại.

Khi A-xà-lê quán sát thân đệ tử làm ngũ luân, dùng ngũ tự giữ gìn, gồm trong đài hoa tâm, chữ A... khiến cho đồng thể với đại Nhật, dùng ấn nhập Phật Tam-muội-da ấn trên đỉnh kia, sau dùng ấn pháp giới sinh ấn ở tâm, lại bắt ấn xoay bánh xe pháp đề trên lỗ rốn, mỗi mỗi đều tụng chân ngôn kia ba biến, tiếp theo chuyển tự môn A trong tâm kia thành tự môn phạ, kết ấn Kim Cang Tát-đỏa ấn các chi phần, có chỗ nói là năm chỗ, sở dĩ như vậy vì muốn thành sự nghiệp kim Cang ấy.

Bấy giờ, A-xà-lê cũng phải dùng thêm Tam-muội-da... mà tự giữ gìn, sau lấy bạch điệp mới sạch, hoặc các lụa màu, trước dùng chân ngôn bất động đứng như pháp tác tịnh, sau dùng bản bộ chân ngôn vương, chuyển thêm ba phen, như làm Mạn-đồ-la Đại Nhật, liền được chân ngôn Tỳ-lô-giá-na, Liên Hoa Thủ, Kim Cang Thủ, cũng phải Y theo mà nói, dùng tờ lụa sạch này, che khắp mặt đệ tử, phải khởi tâm từ bi hộ niệm, nói bên tai, khiến cho kia biết Tam-muội-da giới, chớ cho người chưa nhập đàn nghe tiếng. Một bài kệ này ngay ở trong phẩm Chuyển Tự Luân Mạn-đồ-la Hạnh có nói.

Lại quán trên đỉnh kia có một chữ La, trên chữ đặt một chấm, vì thế nói dùng đại không điểm để trang nghiêm (đây là chữ Lãm). Chữ này bốn bên có ánh sáng khắp giống như tràng hoa liền nhau, không xen hở, trong tự lại khắp phát ra ánh sáng trắng, giống như ánh trăng rằm. Đem pháp giới tâm thanh tịnh này để gia trì, có thể trừ các chướng trong ngoài.

Kế là dẫn đưa đến cửa thứ nhất, chỗ hai vị Long vương là Tốn-na-ưu-ba và Tốn-na trông giữ, ở chỗ ngay cửa chính không được tiến lùi, trước sư nên vì kia kết làm Tam-muội-da, ấn tụng ba biến chân ngôn kia, đặt hoa trên ấn, bảo đệ tử khởi tâm chí thành hướng về đạo tràng

mà rải, tùy theo hoa đến chỗ nào, phải biết tức là người tu hành ngày xưa nhân duyên pháp môn Thiện tri thức, nhân nương vào pháp môn phương tiện này mà tiến đến tu hành.

Cù-hê chép: Khi sắp vào đàn, A-xà-lê nên nói rằng, ta tên... đứng như pháp làm Mạn-đồ-la này, muốn đệ tử vào, tùy theo chủng tánh, phước đức của người ấy cho đến thành tựu được pháp thí nào, chỉ xin ở trong Mạn-đồ-la này hiện ra tướng kia. Đã rải hoa rồi, sau phải mở mắt cho nhìn thấy đạo tràng, khởi tâm hoan hỷ mà bảo rằng, ông này quán sát Mạn-đồ-la mẫu nhiệm này, sinh tâm kính tin sâu xa, ông đã sinh nhà các Đức Phật, chư minh tôn... đồng cùng che chở, tất cả tốt lành cho đến Tất-địa đều hiện ra trước. Thế nên phải giữ vững Tam-muội-da giới, đối với giáo pháp chân ngôn, phải siêng năng tu tập, sau đó bảo đệ tử đem hoa hương... khắp cúng dường các Thánh Mạn-đồ-la, ngay tại đạo tràng trao cho bản chân ngôn ấn, bảo ngồi một chỗ mà tụng, tiếp đến đưa người khác vào. Hễ là A-xà-lê, phải quán sát hoa đến chỗ nào, phân biệt tánh loại của kia, như rơi trên đầu Đức Phật thành tựu Phật đảnh, đến tướng sợi lông trắng... rơi trên mặt Đức Phật thì thành thành tựu Phật nhãn, ở trong phần thân phải biết thành thành tựu các tâm. Nếu rơi vào phần dưới thì thành tựu các sứ giả...

Lại tùy theo phần thượng, trung, hạ, Liên Hoa Kim cang cũng giống như vậy, các tôn vị khác chỉ biết tướng thượng, trung, hạ. Nếu hoa rơi cách xa tôn vị kia thì lâu xa nữa mới thành tựu, nếu rơi trong viện cúng dường tùy thuộc vào tôn vị nào mà trao chân ngôn kia. Nếu rơi vào giữa hai tôn vị phải biết xa, gần kia. Nếu trước rơi vào nội viện thì dời ra ngoại viện. Người kia không có tín tâm, nếu gắng gượng trì tụng thì được thành thành tựu thấp, rơi vào các đường ranh giới và các đường đi trong viện, người kia không có tâm quyết nên không được thành tựu. Nếu kia muốn ném lại thì nên làm Hộ-ma cho họ, sau đó mới ném, ngoài ra như kia đã nói.

Kế là phải làm Hộ-ma tịch nhiên cho các đệ tử, đó là pháp phiến-để-ca, cũng có thể dịch là Tức tai. Sau đây là một thứ chi phần, nay được Như lai trả lời, căn cứ vào thứ lớp của việc làm. Nói gia trì dạy trao chi phần thì ở trong đây nói Hộ-ma, hoặc có thể cho pháp quán đảnh... hiệp lại một thứ chi phần mà thôi.

**Kinh chép:** Làm Hộ-ma tịch nhiên, Hộ-ma nương pháp trụ, trên nói Hộ-ma nghĩa là phải làm pháp Hộ-ma này, vì thế nói lập lại. Trong đây dùng pháp Du-già gia trì tự thân, cho đến kính thỉnh kiết giới... đều nương vào phương tiện tụng niệm, do đó nói phải nương vào pháp



mà an trụ, bắt đầu từ trong Thai tạng đến bên ngoài của viện thứ hai, ở trong Mạn-đồ-la, khởi tâm không lo lắng, nghi ngờ. Mật ngữ ở văn trên, lấy quyển thuộc của Đức Thích-ca viện làm thứ hai, ngoài đàn lớn khiến cùng trong thai tạng tương đương A-xà-lê ở ngoài kia, mặt hướng về Mạn-đồ-la, trong hai vị ở đây mà đặt hỏa đàn. Văn tiếng Phạm có làm mật ngữ rằng: A-xà-lê trong Mạn-đồ-la làm đàn Hộ-ma, nếu không theo thầy lãnh thọ thì thường mất ý chỉ, hoặc ở trong Mạn-đồ-la viện mà tạo tác.

Nay dùng đàn quán đảnh, lại phải hướng vào chính trong thai tạng, có thể dời đàn này khiến hơi gần phương Nam, cho đến góc Tây nam, đều là ba vị nhìn nhau, đối với lý không có lỗi, không có tâm nghi ngờ lo lắng, tức là ý Tức tai. Phải làm một đường viền không lộn xộn, nếu hành giả trụ trong tự môn Xa mà quán các pháp thường vắng lặng, cầu hết nghi hối, trừ sạch cái chướng chính là ý gốc của Hộ-ma tịch nhiên.

Làm pháp Mạn-đồ-la lấy từ thân một khuỷu tay, chung quanh đặt một viền, rộng bốn ngón tay, chiều cao cũng như vậy. Hễ là đàn Hộ-ma thì vuông, tròn, tam giác tùy theo sự nghiệp mà chuyển, nhưng trong đây tác pháp phải sử dụng đàn vuông. Cù-ma-di Cù-mô đất-la-đồ, dùng nước hoa mà rảy, giữa bày ấn kim cang, nghĩa là ở trong lò phải vẽ làm Bạt-chiết-la. Vì sao? Vì Hộ-ma là lửa tuệ của Như lai, có khả năng đốt cháy tất cả tai họa do nghiệp nhân duyên sinh ra, hết sạch không còn sót. Đàn vuông gọi là đại Nhân-đà-la, đó nghĩa là tâm vương, nói về ấn lửa tuệ này, tìm xét nguồn gốc của nó, từ tánh kim cang sinh, do đó giống như kim cang không thể phá hoại. Dưới đến trong phẩm thế xuất thế Hộ-ma, Thế-tôn tự nói rộng nhân duyên. Nếu hành giả chân ngôn chỉ làm Hộ-ma thế đế, không hiểu mật ý trong đây thì cùng vi đà tế kia há không phải là quá lạm hay sao? Vì thế người dịch gồm cả danh lẫn trí, ngõ hầu khiến giải thích hai thứ sâu cạn, nêu cả nghĩa dụng.

**Kinh chép:** Vị trí sư ở bên phải, Hộ-ma đủ chi phần, dù cho đại Mạn-đồ-la mở cửa hướng về phía Tây thì hỏa đàn cũng phải ở phía Tây đại đàn. A-xà-lê lại ở phía Tây hỏa đàn, ngồi mặt xoay về hướng Tây, các Hộ-ma sử dụng đầy đủ duyên chi phần, phải ở phía Nam vị trí sư.

Củ hộ đàn phải dùng cây non, nghĩa là các loại dâu, lúa, hoặc dùng thân cây ngưu tất, cắt chừng mười hai ngón tay, đều phải chọn lấy củ thấm ướt, lấy củ phải thứ lớp ngay thẳng, phải nhìn trên dưới một mặt mà đặt, dùng nước thơm sái tịnh khiến gốc rễ hướng về thân, nếu khi muốn đốt phải đặt vào trong sữa, bơ, mật, ấn hai đầu kia ném, đặt trong lò, hoặc dùng hương trầm thủy dài chừng bốn ngón, lớn bằng ngón

tay cái, chà hương tô hợp, làm thành một trăm lẻ tám lần để dùng càng tốt. Hãy nên trong Mạn-đồ-la dâng cúng thức ăn và hương hoa... đều dùng đó để làm biện sự để lấy chân ngôn.

Như pháp sái tịnh đặt ở tòa bên phải, bình át-già kia phải đặt bên trái, dâng cúng các thức ăn phải dùng bơ, lạc... đều hòa cùng để một bình và các loại năm thứ hạt cũng dùng dầu mè... thấm nhuần hòa hợp một chỗ, để ở bình khác đều không phân biệt. Nếu thực hành giải thích theo thâm bí thì chi phần Hộ-ma này là nghĩa các nhân duyên, do nhân duyên có thể sinh tai họa trong ba cõi. Nay lấy lửa tuệ này làm cửa cái, cúng dường tất cả thân phổ môn, tăng thêm thế lực lợi ích không thể suy nghĩ bàn luận.

**Kinh chép:** Phiền não là củi, trí tuệ là lửa, do đó nhân duyên thành cơm Niết-bàn, khiến các đệ tử thấy đều vui thích, chính là nghĩa ấy. Lại khi làm pháp cho đệ tử, ở bên phía Bắc của A-xà-lê, dùng chiếu bằng cỏ tươi bảo đệ tử ngồi chồm hổm. A-xà-lê cũng phải ngồi trên tòa cỏ, không được dùng thêm các loại giường nệm. Thọ dùng cỏ tươi lược có ba nghĩa:

1. Tánh ấy trong sạch là chỗ muốn tiếp xúc, có công năng trừ sạch tâm hôn trầm biếng nhác, buồn lung của hành giả.
2. Đây là cỏ cát tường, Thế-tôn đã nhờ trải tòa bằng cỏ này mà chứng Bồ-đề, vì thế có công năng dứt bỏ tất cả chướng.
3. Dùng cỏ cát tường này chỉ bày tánh tuệ.

Cỏ này hai bên đa số có mũi nhọn. Nếu người ngồi nằm, cầm nắm, không có phương tiện thì lại bị tổn thương, nếu thuận tay giúp đỡ thì không thể bị hại, tất cả các pháp cũng vậy, nếu thuận theo đế lý quán sát thì tất cả trần lao đều có dụng tánh tịnh. Nếu mất phương tiện thì sẽ tổn hại trí, thân, do đó lấy làm pháp môn biểu tượng.

Nếu làm Mạn-đồ-la trên tảng đá lớn, hoặc ở trên lầu gác không thể đào qua, làm lò phải dùng năm màu sắc xen lẫn nhau mà vẽ, cho thật rõ ràng, nghiêm chỉnh đẹp đẽ, tiện để thế vào mà dùng, đó gọi là sơ lược chỗ Hộ-ma. Nếu trong nhà làm Mạn-đồ-la chật hẹp, phải ra ngoài đến chỗ trông thấy đạo tràng đúng như pháp làm lò, bốn mặt lò đều phải dùng cỏ tươi bao bọc chung quanh, đều xoay về phía bên phải, theo thứ lớp đều làm cho áp sát nhau, nhưng đầu kia ló ra, ngoài ra như trong phẩm Hộ-ma có nói.

Lại phải dùng vòng chung quanh dày, rộng chớ để bày đất, dùng nước thơm rải khắp, cần phải làm xong các việc gia trì, dùng chân ngôn rưới đất mà văn trên đã nói. Trong đây làm pháp Hộ-ma, A-xà-lê ban

đầu ở trong Mạn-đồ-la cúng dường trì tụng xong, sau phải ra ngoài làm hỏa pháp, xoay về phía Đông ở tòa cát tường, trước hết đặt cây non và củi khô vào trong lò, dùng bơ rải lên trên mà đốt, sau đặt củi ướt dùng chân ngón. Biện sự trừ bỏ dơ uế và sái tịnh xong, phải trụ trong Du-già, đem hạt giống hỏa thiên chuyển thành hỏa tôn. Trong Mạn-đồ-la tam giác, như dưới đây ở trong phẩm Thập Nhị Hỏa Tôn sẽ chỉ bày, tùy theo chọn một sự nghiệp vào tương ứng với kia. Đã tương ứng rồi, phải quán thân hỏa tôn không hai, không khác với thân ta, như hỏa tôn ấy, phải biết hỏa Mạn-đồ-la cũng giống như vậy. Nên quán ba chỗ đều đồng một tướng, sau đó dùng hỏa thiên chân ngón mà phụng thỉnh.

Tô-tát-địa chép: Khi muốn phụng thỉnh trước nói lời này: Nay con trước tiên phụng thỉnh hỏa thiên, Tiên trong cõi trời phạm hạnh đáng tôn kính, chỉ xin giáng lâm ở nơi này thọ nạp Hộ-ma, sau nói chân ngón hỏa thiên rằng:

Nam ma tam mạn đà bột đà nẫm a yết na duệ tóa ha.

Câu đầu là quy mạng các Đức Phật, nghĩa như trước đã nói, câu thứ hai là a yết na duệ nghĩa là hỏa. Trong đây trước hết lấy chữ A làm hạt giống, do tất cả các pháp vốn bất sinh cho nên đồng với kim cương trí thể. Nga nghĩa là hạnh, do các pháp vốn bất sinh nên tuy đầy đủ muôn hạnh nhưng không có hạnh nào, thế nên gọi là không thấy tự hiểu. Nếu là không thấy tự hiểu thì đồng với đại không khắp mọi nơi chốn. Do đó trong ba cõi bất động mà sinh ra cho đến Tát-bà-nhã, thế nên vô thừa và thừa đó chính là Đại thừa, sở dĩ cũng thêm Tam-muội thanh, ý nói thừa đây định tuệ bằng nhau.

Các Đức Phật khi hành đạo Bồ-tát đều đem lửa tuệ như vậy đốt cháy tất cả tâm dơ. Đốt lên ánh sáng chánh pháp là do lời nói chân thật liền thành chân ngón. Nên khi thỉnh mời phải tăng thêm y-hệ và y-hệ tử, đến khi phát triển thêm yết-xa, yết-xa tử, ấn tướng kia như trong phẩm sau sẽ nói. Đã thỉnh rồi trước nên dùng nước thơm át-già, ba phen sái tịnh, ba phen dâng nước súc miệng, liền lấy các vật năm thứ hạt, dầu, sữa... dùng chân ngón nói trên tụng, ba biến Hộ-ma cúng dường hỏa thiên. Hễ khi Hộ-ma thì trước dùng gáo lớn đựng đầy rau sạch mà nấu, sau sẽ đốt củi, kế là cơm Hộ-ma, kế đến các thứ lương thực, hoặc dùng cháo sữa, sau lại dùng hoa sen... tùy ý mà đốt.

Trong đó hễ bố thí đều dùng gáo nhỏ. Vì thế Kinh chép: Phải mang đầy bát dâng lên cúng dường, cúng dường rồi rửa lại nước hoa và đổ át-già, giống như người ăn rồi dùng nước tắm rửa. Lại cúng dường hương hoa... phải vận dụng tâm dâng lên hỏa thiên, để ở tòa chính, sau

phải kính thỉnh các tôn vị. Trước lấy một cành hoa, dùng chân ngón thành biện để tác tịnh trừ uế, bộ chủ chân ngón để gia trì, hai tay hợp lại, mà khởi tâm miệng nói: Chỉ xin các tôn vị gia trì chỗ này thọ nhận sự cúng dường mẫu nhiệm, sau đó phải ở cách xa lò ném đến Mạn-đồ-la, khi muốn ném tùy theo kia xa hay gần, trước quán hoa này đến khắp chỗ ngồi của tất cả các tôn vị.

Làm tòa tùy loại tương ứng kia, lại sử dụng các việc xong, ở trong lò tác tịnh trừ uế, mới thỉnh các tôn vị, hoặc dùng chân ngón tôn vị kia thỉnh riêng mỗi vị, hoặc theo quyền thuộc một bộ, cho đến dùng chân ngón vương thỉnh cùng một lúc.

Lại, hỏa lò này giống như hỏa giới, khi thỉnh chỉ quán các tôn vị không lay động chỗ ngồi cũ, mà lại giáng lâm, khi xong việc cũng dùng tướng không đi mà trở về chỗ cũ, thường là một. Tôn vị Hộ-ma, liền lấy nước thơm rải lò và nước súc miệng.

Văn dưới nói cúng dường chân ngón tịch tai bảy biến, như thế mỗi mỗi xong, lại làm Hộ-ma một trăm lẻ tám biến, trở lại lấy bát đầy bơ đốt một lượt, cho đến nếu không có khả năng làm như vậy thì phải cúng dường chung một trăm lẻ tám biến hoặc một ngàn lẻ tám mươi biến, nghĩ rằng hễ con có vật gì, cúi xin chư tôn đồng thọ nhận sự cúng dường.

Tiếp theo xin khắp hoan hỷ, đúng như pháp cúng dường xong, mới sám hối hồi hương và ngâm đọc kim cương, chỗ hương đốt kia không dứt hết. Lại dâng át-già, sau đó đánh lễ các tôn vị, mời các đệ tử, như văn trên đã nói làm pháp rải hoa... cho đến lời bày tỏ đều xong, mới dẫn mỗi đệ tử đến chỗ Hộ-ma.

Ở bên trái A-xà-lê đem tâm cung kính và đứng chồm hõm, sử dụng tay trái cầm ngón tay cái bên phải của đệ tử, mà tụng chân ngón tịch tai, cứ tụng một lần thì bố thí hỏa thực một lần, như thế đến hai mươi mốt lần, các đệ tử cũng làm như thế. Cù-hê chép: Lại dùng hương xoa tay đặt trên ngực kia, tùy ý trì tụng mà sai đi. Ở đây lại giải thích chân ngón Tịch Tai này.

Nam ma tam mạn đà bột đà nãm a ma-ha phiến để nghiệt đa phiết để yết la bát la thiểm ma đạt ma trở nhược đa a bà phạt tát phạt bà phạt đạt ma tam mạn đà bát a bát đa tóa ha.

Chân ngón này đầu tiên lấy A làm thể, A nghĩa là các pháp vốn bất sinh tức là thể kim cương trí hỏa, điểm thêm Tam-muội thì được vốn bất sinh, Tam-muội Kim cương tuệ hỏa, gần hai bên có hai điểm nghĩa là Niết-bàn. Nói nhập tự môn A này, tuệ hạnh đầy đủ, có thể đốt trừ tất cả

chương, cái, được Niết-bàn vắng lặng hoàn toàn. Sở dĩ làm chân ngôn tịch tại chính là nghĩa này.

Lại nữa, khi tác pháp phải quán chữ này, chung quanh ánh sáng từ lửa mà phát ra đầy đủ ba màu, bản thể màu vàng, trắng, vẽ Tam-muội kia làm màu đỏ giống như vàng côi Diêm-phù, hai bên chấm màu đen như lửa ở kiếp tai. Do bản tánh trắng sạch cho nên có công dụng dứt trừ tai họa, gồm màu vàng là dụng tăng ích, màu đỏ là dụng hàng phục, đốt cháy, màu đen là bề gãy đại chương và thu gọi. Lại thể của chữ này là pháp môn phương tiện, tức là đồng với màu của đại không, đầy đủ các sự nghiệp.

Lại nữa, Thập Nhị hỏa trong văn dưới: chữ A là lửa trí tuệ, Tam-muội cũng là lửa hạnh mãn, có nghĩa thu mờ là lửa phong tảo, có nghĩa hàng phục là lửa Lô-hê-đa, vàng, đỏ hòa hợp là lửa Một-lật-noa, gồm cả màu đỏ và đen là lửa phần nộ, gồm đủ các màu sắc là lửa Xà-tra-la.

Nói tóm lại, thấy đều đầy đủ mười hai thứ công dụng, nên nói rộng. Lại, các câu dưới đây đều chuyển tướng giải thích, câu đầu tiên là Ma-ha phiến-để nghĩa là vắng lặng hoàn toàn, nghiệp-đa nghĩa là thệ.

Nói Như lai dùng nghĩa một chữ này, đi đến trong bản tánh thường tịch Đại Niết-bàn. Thể chữ A là vốn vắng lặng. Do có bức vẽ Tam-muội cho nên khéo qua, dấu vết trừ hết cho nên “Niết-bàn”. Bất động là chỗ mà ngay nơi đi là đến, giống như đại không chẳng đâu không khắp, vì thế nói là đại tịch. Câu tiếp theo phiến-để-yết-la, là nghĩa tịch, nói tự môn này phương tiện đầy đủ, thường trùm khắp mười phương ba đời, khắp làm sự nghiệp phổ môn thành tựu chúng sinh, đều khiến đi đến trong vắng lặng hoàn toàn, vì thế nói là Tác tịch.

Kế đến nói: Bát ra thiểm ma đạt ma niết nhược đa: Bát-ra nghĩa là tối thắng, thiểm-ma: Là chứng tịch. Giải thích lại câu trước, do vì tác tịch cho nên đó là tịch ở trong tịch. Vì sao? Vì tịch rốt ráo không thật có cho nên thường tạo tác, hoàn toàn không thật có cho nên thường tịch, tất cả thế gian không thể suy nghĩ bàn luận, vì thế nói là tối thắng.

Đạt-ma là pháp, Niết-nhược-đa là sinh, từ đâu mà sinh? Nghĩa là từ nghiệp vắng lặng không thể suy nghĩ bàn luận này mà sinh. Vì động, tịch rốt ráo đồng nhau, từ trong câu vốn bất sinh. Sinh ra đầy đủ rễ, thân, cành, lá, hoa, quả, trở thành cây Bồ-đề chúa, giống như hỏa giới có khả năng đốt cháy, cũng có khả năng nuôi lớn, lửa trí kim cang cũng giống như vậy, do dấu vết trừ sạch nên dấu Tam-muội sinh trưởng.

Kế là nói A bà phạ tát phạ bà phạ, lại là chuyển giải thích câu

trước, cho nên nói vô tự tánh, tất cả tự tánh dùng bản tánh tịch mà từ duyên khởi vì thế không có tự tánh. Từ duyên khởi không có tự tánh đều là gốc của tánh tịch, thế nên trở thành tự tánh. Tất cả pháp đều do nghĩa này, vọng tưởng bất sinh nên đại không sinh, tiếp theo nói: Đạt ma tam mạn đa bát là bát đa, lại chuyển giải thích câu trước, do nghĩa này, Như lai đối với tất cả các pháp bình đẳng, nghĩa là thành Vô thượng Bồ-đề, bát la bát đa nghĩa là đạt được, vì vô sở đắc cho nên được câu bình đẳng này, ngoài ra như trên giải thích. Hễ khi Hộ-ma phải có các thứ tướng hiện, hoặc khi đốt lửa không cháy, lửa cháy hoặc chóng tàn không quá lớn mạnh, hoặc nổi khói không có lửa, hoặc khói rất mù mịt, hoặc phát ra tiếng giống như âm thanh lửa, súc vật... người không muốn nghe hoặc nói không thành tựu... phải biết đó là tướng chướng ngại không thành, hoặc trong khói lửa làm các thứ hình kỳ diệu như bình báu, lưôi báu, sư tử cỡi xe... hoặc tiếng nhạc vang lên như Chuông, linh, tù và (loa bối), hoặc phát ra lời tốt lành thành tựu, phải biết đó là tướng không chướng ngại Tất-địa, cho đến người khéo làm Hộ-ma, phải ở trong đây mong cầu ý chỉ truyền trao rõ ràng, biết đủ tướng thông bát.

Hễ Hộ-ma thì mỗi pháp tùy theo sự nghiệp thích ứng, hoặc dùng tịch tĩnh hoặc dùng hoan hỷ, hoặc dùng tâm mạnh mẽ, hoặc y phục có các màu trắng, vàng, đỏ, phải ngồi ở các hướng: Bắc, Đông, Nam, Mạn-đồ-la kia cũng có vuông, tròn, tam giác khác nhau, màu sắc cũng có thể biết. Củ Hộ-ma kia, dụng Tức tai thì cành ngọn của cây, dụng “tăng ích” thì cành giữa của cây. Nếu việc chiết phục thì nên dùng rễ cây, nếu việc tức tai thì nên dùng bơ, sữa, đại mạch, mật và cháo sữa, mầm non cỏ tranh, hoa quân-na, hương bạch đàn và cây vô ưu. Nếu việc Tăng ích thì nên dùng cháo, sữa, cơm, lúa mì, mật, cháo lạc, mè, thiên mộc, hồi hương, thiên môn đông, long hoa và các loại lúa đậu... Nếu việc chiết phục thì nên dùng hạt cải đỏ, trắng, hoặc đậu hạt cải, thuốc độc, xương, tóc và các cây có gai nhọn... dù kinh không nói ra đầy đủ cũng phải tùy theo loại suy nghĩ. Lại tùy theo số lần đốt bơ, mè cũng thế.

Ngoài ra tùy ý nhiều hay ít, từ bắt đầu đến cuối cùng đều phải đầy đủ bơ để Hộ-ma, các pháp sự khác so sánh theo đây. Hễ là Hộ-ma Tức tai thì trước phải làm pháp hàng phục, nếu sử dụng chân ngôn có nghĩa hàng phục thì ngay đó nương vào bản mà tụng, nếu không có nghĩa kia thì phải y theo pháp tăng thêm, dùng hạt cải... vật tương ứng với hàng phục, làm mười bảy lần hoặc hai mươi bảy lần Hộ-ma. Tiếp theo quán nghĩa cú và các vật cúng dường kia tương ứng với tăng ích, lại thêm bảy lần, mười bốn mới là đầy đủ làm pháp Tịch Tai. Nếu làm Hộ-ma Tăng

Ích, trước phải làm pháp hàng phục, mới là đầy đủ làm pháp tăng ích.

Về Hộ-ma hàng phục, một pháp liền thành không cần lập phương tiện trước, phải biết Mạn-đồ-la này có ba thứ pháp sự. Cù-hê chép: Sau khi quán đánh xong lại phải y pháp Hộ-ma, trước dùng chân ngón chủ Mạn-đồ-la đốt bơ trăm lần, sau dùng chân ngón tịch tĩnh, dùng bơ, mật, cơm trăm lần, tiếp đến dùng mè trăm lần, mới chính là rộng chỉ bày Mạn-đồ-la, đến khi xong việc sắp giải tán, thầy phải tự sái thân kia, lại dâng át-già, theo thứ lớp cúng dường tất cả các tôn vị, tiếp đến chủ Hộ-ma Mạn-đồ-la trăm lễ tám lần, sau dùng chân ngón tịch tĩnh trăm lần, dùng bơ bò đều Hộ-ma bảy lần, sau đó đem chân ngón bản trì tùy ý Hộ-ma mới làm pháp giải giới phát khiển v.v... hoặc lại y theo trước làm phương tiện tướng chung cũng được.

Nay trong kinh này, ba chữ A, Bà, Phạ, giống như phẩm Tự Luân đã nói, tức là ba bộ, tâm chân ngôn. Nếu là ba thứ pháp sự thời khác, chỉ ở trong đàn trì tụng xong rồi, liền phải ra ngoài làm Hộ-ma, hoặc nếu làm Hộ-ma thành tựu thì phải năm chỗ thẳng nhau: Thứ nhất là bản tôn, thứ hai là bếp lửa, thứ ba là vật thành tựu, thứ tư là đồ đựng bơ, thứ năm là tòa ngồi của A-xà-lê, về vật thành tựu, trước tiên lấy lá sạch che đậy, mỗi một lần lấy bơ... đều dùng gáo thêm ở trên lá mới đốt.

Nếu thành tựu hữu tình thì phải ở chỗ để vật vẽ hình tượng kia, ngoài ra như trên đã nói. Nếu làm người Hộ-ma thì xưng danh từng thứ một, mới bỏ vào lửa. Nếu không làm Mạn-đồ-la, chỉ làm pháp Hộ-ma thì phải đi quanh lò làm một lớp Mạn-đồ-la đặt tòa ngồi các tôn vị, muốn thỉnh chư tôn cúng dường, rộng lớn hay sơ lược tùy ý.

Tô-tất-địa nói Hộ-ma xong rồi đều phải dùng chân ngón gốc mà trì, nước sạch gia trì dùng tay quậy đều, rảy ở trong ba lần, lại phải thỉnh hỏa thiên nhận thêm các vật khác, cho đến nghĩ là trở lại ngồi chỗ cũ, chỗ cốc, bơ mật, sữa... còn thừa lại hòa chung một chỗ dùng chân ngón hỏa thiên ba phen chuyển trì để làm Hộ-ma, lại làm ấn hộ thân, hộ phương... cho đến giải giới mới được phát khiển.

Cù-hê chép: Đêm thứ sáu làm pháp đệ tử xong, để trừ chướng cho nên trước phải làm Hộ-ma hàng phục, sau làm tự Tăng ích, dùng bộ tâm chân ngôn Hộ-ma, sau đó dùng chân ngón tịch tĩnh làm Hộ-ma Tức tai, đến khi làm pháp sự. Nếu thường có điếm không lành thì phải dùng bộ mẫu chân ngôn làm Hộ-ma Tức tai, đốt bơ và củi mỗi thứ trăm lần vào ngày mai làm pháp để đầy đủ chỗ thiếu thốn, lại làm Hộ-ma Tức tai một trăm lễ tám lần, nhưng hỏa pháp này cũng là việc khó trong chi phần. Do sắp trừ tai chướng, tăng thêm oai thế chánh pháp, cho nên

các người gây ra nạn, đều ở trong đây rình tìm dịp làm hại. Nếu không các trường hợp đều hiểu rõ thì phải tự tổn thương, không thể lung lòng làm bậy.

**Kinh chép:** Hành giả Hộ-ma xong, nên dạy bảo bố thí. Dưới đây là trả lời câu hỏi của Bí Mật Chủ: Vì sao cúng dường thầy? Vẫn thuộc về chi phần gia trì dạy trao. Sở dĩ tự dạy đệ tử khiến kia bố thí là không phải vì tham đắm vật ấy mà cầu xin, vì kia phát sinh gốc lành thành tựu công đức quán đảnh. Nếu đệ tử có khả năng đem các thứ tài sản riêng có trong ngoài, vì cầu đại sự nhân duyên nên không bôn sẻn, chí thành hết lòng kính trọng dâng lên báo ân người truyền pháp thì phá hoại được vô lượng “chướng” trong nhiều đời, lại tự thấy sự lợi ích của bố thí rất sinh tâm vui mừng. Nay ta xả bỏ tài sản yêu thích ở thế gian này, năm nhà chung lại có nhiều thứ tai họa, dùng mua tài vật vô thượng pháp bảo chánh pháp, thí khắp cho chúng sinh thường không cùng tận, suy nghĩ như thế rồi tâm kia hoan hỷ, vì hoan hỷ cho nên xa lìa nghi hối, vì lìa nghi ngờ hối hận cho nên được vắng lặng bên trong an vui mà trụ, sau đó dùng nước pháp mà tưới thì xa lìa hẳn bụi dơ. Nếu người có vật, cho đến xả thân cúng dường thầy, nghĩa là đem thân này thờ phụng cung cấp A-xà-lê, không sợ khổ nhọc, thường không xa lìa, tìm hỏi chánh pháp cho đến không tiếc thân mạng để cầu “Đạo”.

Bấy giờ, A-xà-lê cảm ân nặng của vị ấy, sinh tâm thương nhớ, dạy dùng phương tiện sâu kín, cho đến công hạnh chân ngôn mà mình thọ trì, đây khắp trong đạo tràng, làm pháp trở lại dùng bố thí, dùng ít công đức được thành tựu lớn, đây là các thứ bố thí bậc trung và thượng.

Cù-hê chép: Đệ tử phải ở chỗ Hộ-ma, đem tâm chí thành đảnh lễ A-xà-lê, trước phải dâng cúng hai tráp y cất may, sau đó xả thí các tài vật khác, lại nghi lễ kia là quán đảnh xong rộng chỉ bày tướng Mạn-đồ-la, chỉ dạy ấn chân ngôn chính là vâng thí, khác với kinh này, tùy ý sử dụng.

**Kinh chép:** Đã vì làm gia hộ, nên triệu thỉnh mà nói rằng: Nghĩa là từ khi mới triệu vào về sau, đều là phương tiện gia trì, nay để khởi phát tâm kia, trở lại dạy bảo mà nói cho kia biết rằng: Đây là ruộng phước hơn hết, tất cả các Đức Phật đã dạy. Vì muốn lợi ích rộng lớn, tất cả các hữu tình, nghĩa là Thế-tôn thấy chúng sinh... tự từ vô thủy đến nay, thường bị thiếu thốn tài sản cả trong lẫn ngoài, việc làm trong ba cõi không được tự tại. Vì vậy cho nên rơi vào chỗ không thông thả, không thể chóng đến Vô thượng Bồ-đề. Thế nên dùng thần lực che chở, nói đây là ruộng phước không gì hơn.



Do trong đại Bi Tạng này, tất cả biển lớn Phổ môn thủy đều nhóm họp, nay ở trong đây rộng gieo trồng gốc lành không có hạn lượng, từ đời nay trở về sau cho đến cùng tận đời vị lai, thường làm thân ngọc như ý và thân hư không tạng, có khả năng giúp cho đầy đủ tất cả nguyện ít có của mình và người. Vì thế nói rộng làm lợi ích tất cả chúng sinh.

Lại nữa, đã cúng thí Đệ nhất nghĩa Tăng và người truyền pháp xong, lại phải dạy khiến cúng dường thế đế hòa hợp tăng, nếu khi cúng thí hòa hợp tăng thì chúng tăng phạm Thánh tất cả mười phương thủy đều có phần, vì thế cho nên phước này, như biển mây giữa hư không chẳng thể suy nghĩ bàn luận, sẽ đạt được quả lớn, là rốt ráo lợi ích, như ở trong cây phước này, nếu ăn kim cang thì cuối cùng không tiêu được, cần phải đến mé đất kim cang sau đó mới dừng lại. Vì thế sinh công nói: Chút ít điều lành đều đến quả Phật.

Kể là nói nguyện ít có ở thế gian, lại nói nghĩa ở thế gian, có chỗ nói của tiền lớn vô tận, đời nói thường theo sinh, đây là thế giới Tất-đàn, cho nên nói là thế gian nói, giống như Bạc-câu-la dùng một trái ha-lê-lặc cúng tăng, nên chín mươi mốt kiếp đến nay, thường không bệnh hoạn, không chết bất đắc kỳ tử. Ngài A-na-luật đem một bữa ăn cúng dường Bích-chi-Phật cũng từ vô lượng kiếp đến nay, thường sinh chung với kho báu, như trong kinh Bản sinh có nói rộng, vì thế nói thường sinh theo.

Lại nữa, trong Tỳ-ni có nói, bốn vị đại đệ tử là: Đại Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Tu-bồ-đề, giống như chiếc bình tốt. Nếu người tịnh tâm cúng dường thì mong cầu quả báu hiện tại ở thế gian đều được như nguyện, hưởng chi cúng dường tất cả tăng. Phải biết các vị như thế ở trong thế giới mười phương đủ các công đức, đều ở trong đó, cho đến bậc Thánh vô học, muốn sống ở đời lâu dài, còn nhờ năng lực của chúng tăng. Vì thế cho nên vị này vì muốn thành tựu quả Tất-địa chỗ tu đàn thí phải đầy đủ không thiếu, lại phải có tâm hoan hỷ cúng dường thế đế hiện tiền Tăng, do Tăng trong mười phương không thể nhóm họp hết, nhưng ở trong giới tùy theo người hiện tiền nhóm họp mà cúng dường thì đó là cúng dường tất cả tăng.

**Kinh chép:** Bấy giờ, Đức Thế-tôn Tỳ-lô-giá-na lại bảo kim cang Bí Mật Chủ, dưới đây nói pháp quán đảnh, cũng thuộc chi phần gia trì thọ giáo. Nhưng quán đảnh này cũng có cả các pháp sự khác, hoặc có thể làm riêng một loại chi phần. A-xà-lê làm Mạn-đồ-la thứ hai, phải đối lại với Mạn-đồ-la bậc trung, cách Mạn-đồ-la hai khuỷu tay, thứ hai nghĩa là kém nhỏ, chính là lời đối đãi nhau. Lò lửa phải ở trong thai

tạng, nếu ở chỗ bất tiện thì được tạm dời gần về phía Nam. Cho đến đối với góc Tây nam, đàn quán đảnh này lại ở phía Bắc hỏa đàn, cũng làm cho bốn phương bằng nhau, chỉ đặt một cửa, cửa xoay về chỗ mở đàn. Đàn kia ở ngoài bốn góc vẽ bốn vị chấp trì kim cang, hỏa phương là Đông nam, đặt an trụ vào chỗ không nói lời vô nghĩa, niết-ý-để phương đặt hư không vô cấu, phong phương đặt vô cấu nhãn, y-xá-ni phương đặt bị tạp sắc y. Trong đàn làm tám lá hoa sen chứa lớn, tua nhị đầy đủ, trong bốn lá đặt bốn Bồ-tát bạn lữ; phương Đế-thích là Bồ-tát tổng trì tự tại, phương Diệm-ma gọi là Bồ-tát niệm trì, phương Na-già gọi là Bồ-tát lợi ích tâm, phương Dạ-xoa là Bồ-tát bị giả. Bốn góc kia đặt bốn vị Phụng giáo: Hỏa phương tên là trước tạp sắc y, phương niết-lý-đệ tên là mãn nguyện, phong phương tên là vô ngại, phương y-xá-ni tên là giải thoát.

**Kinh chép:** Trung ương (chính giữa) chỉ bày pháp giới, sắc không thể suy nghĩ bàn luận ấy, tức là chữ Lam này làm toàn màu trắng, có chỗ nói ngọn cờ pháp giới không nghĩ bàn. Lại, giải thích sâu kín, phương đàn tức là tâm vương kim cang giới Đại Nhân-đà-la. Trụ vô hý luận tức là nguồn gốc tánh tịnh, giữ giới ba đời không chướng ngại, do giới này cho nên tất cả nói lời vô nghĩa đều dứt, vì nói lời vô nghĩa dứt cho nên được thành trí tuệ lớn không thầy, bụi mù đều hết, như hư không trong sạch, do đó gọi là hư không vô cấu. Như giữa hư không khi không có bụi ngăn che, nhìn khắp mười phương không gì chẳng thấy. Bát-nhã cũng giống như vậy, do lìa tất cả tướng cho nên đối với mọi thứ đều thấy, nghe, hiểu, biết, vì thế gọi là vô cấu nhãn, như người mắt sáng thì có thể tự tại làm các việc.

Nay dùng vô ngại bi quán khắp tất cả căn duyên xong, thì phải khắp hiện sắc thân mà dẫn dắt lợi ích, do đó gọi là trước tạp sắc y. Nếu bốn thứ kim cang tuệ ấn này, ở trong tất cả tâm đầy đủ không thiếu thì có thể trấn giữ tâm địa, có khả năng giúp quán đảnh thân trí tuệ, giống như dưới cây Bồ-đề, từ mé đất kim cang đến nay thủy đều chắc thật. Vì thế khi Như lai thành đạo không bị nghiêng, không bị lọt rớt. Bốn bạn lữ: Nghĩa là pháp sở hữu của tâm là bạn lữ của tâm vương, tâm vương của pháp giới thanh tịnh này thành tựu bốn pháp, có thể làm bốn việc Như lai, là có khả năng quán đảnh, thọ nhận ngôi vị pháp vương.

Đầu tiên nói: Đà-la-ni tự tại vương, tức là thông đạt tự môn A, khi thấy chân ngôn vương này, thì có thể đối với tất cả Đà-la-ni môn đều được tự tại, trở thành nhớ biết như ý Tam-muội vương của Như lai, có thể giữ muôn cõi Phật, giống như cửa báu bí mật ở long vương kia, có

thể giữ cho biển lớn không thể đầy tràn, cũng có thể giữ khiến không cho khô cạn hết, vì thế nói là nhớ giữ. Đã được niệm báu như vậy liền nhớ bản nguyên, khắp mưa pháp tài đầy ngập pháp giới, bố thí cho tất cả chúng sinh gọi là tâm lợi ích, đã phát ra tài của vô tận bố thí nhiều không hạn lượng. Nhưng các chúng sinh căn cơ thấp kém, không có tâm thọ dụng, không chịu tìm cầu, do đó mà khởi tâm đại bi, dùng mọi cách cứu giúp người khốn khổ. Vì thế nói Bồ-tát thương người... Nói phụng giáo, tức là từ bốn cửa này, Chiết Phục Nhiếp Thọ làm việc Như lai, phải biết Trước tạp sắc y, tức là sự nghiệp Đà-la-ni mà tự tại vương đã làm, mãn nguyện là sự nghiệp nhớ giữ mà Như ý bảo vương đã làm, không có quá ngại là đã làm sự nghiệp. Đại từ bi bố thí pháp giải thoát là đã làm sự nghiệp phượng tiện đại bi nhổ gốc khổ cho chúng sinh, do đó gọi là bốn vị phụng giáo.

Lại nữa, bốn thứ báu tạo thành bình, tức là bốn đức báu của Tỳ-lô-giá-na, đặt ở bốn góc trong thai tạng, như trên đã nói, dùng chân ngôn bất động gia trì xong, lại bốn Bồ-tát chân ngôn mỗi vị giữ một bình, Phổ Hiền là bậc hạnh nguyện báu vô tận, Từ thị là báu lợi ích chúng sinh vô tận, trừ các chướng là báu tri kiến thanh tịnh vô tận, trừ các đường ác là báu phượng tiện đại bi không có cùng tận.

Lại nữa, Phổ Hiền là tâm Bồ-đề thanh tịnh khắp cả pháp giới, Từ Thị là tâm thanh tịnh này ở trong thai tạng phát sinh cành rẽ mầm lá, Trừ cái chướng là cây chừa tịnh giác này trang nghiêm mầu nhiệm, hoa quả rõ bày. Trừ nhất thiết ác thú là sau khi đạt được quả báo này trồng vào ruộng của tất cả chúng sinh. Như thế xoay vần cùng sinh không có cùng tận. Vì thế đem bốn bình báu bình bằng này đựng đầy các thứ thuốc quý, đậu, lúa đã ngâm nước thơm tánh tịnh. Dùng rải trong đài hoa sen của pháp giới tâm không thể suy nghĩ bàn luận, do đó được gọi là Pháp đệ tử của bậc Pháp vương. Phải biết mỗi thứ bình báu lại tương ứng với một Bồ-tát, một kim cang và một sứ giả, đem pháp môn pháp vị đối chiếu thì có thể biết.

Hễ khi muốn quán đảnh, dùng chân ngôn biện sự gia trì vật ngồi an trí trên đài hoa sen. A-xà-lê lại vì đệ tử hộ thân đứng như pháp, trước dùng bất động minh vương để dứt trừ các chướng, sau dùng ba thứ Tam-muội-da gia trì vào ba chỗ, kim cang Tát-đỏa gia trì chi phần xong, nương theo pháp ngồi cát tường mà ngồi trong đó, tất cả hương xoa, hoa, đèn, nước át-già... trước đã đứng như pháp gia trì, tất cả đều giống như pháp trên.

A-xà-lê trước phải dâng nước hoa kia, sau dùng hương bột xoa

khấp thân kia, đem tràng hoa trang sức thân kia cho là anh lạc, sau dâng dốt hương xông, các đèn sáng sắp bày trước kia và dâng cúng các thức ăn. Vật cúng dường này gồm có mười ba chỗ ngồi, nghĩa là chỗ ngồi của bốn vị kim cang, bốn vị Bồ-tát, bốn vị sứ giả và đệ tử, đệ tử kia vật cúng dường thật dồi dào, giống như cúng dường bốn tôn, cũng có thể ở trong Mạn-đồ-la lớn đặt chỗ ngồi cúng dường, đến khi quán đảnh chỉ nên trì danh hiệu kia xin gia trì đệ tử. Bốn vị Bồ-tát kia, trong viện thứ nhất mỗi vị đặt ở một phương, sứ giả Như lai ở dưới hai bên hông cửa, lại đầy đủ lọng trắng mới sạch, trên treo tràng hoa và các lụa trắng, cũng trước dùng chân ngôn bất động khử trừ dơ chướng, dùng chân ngôn của đại nhật Như lai mà trì, A-xà-lê tự cầm che lên trên kia, lại bảo người khác cầm đuôi trâu quét sạch và quạt lò hương, lại ở trong tráp đặt y và các vật tốt lành, tức là các loại kim tỳ, gương sáng, bánh xe báu, loa báu và cầm bình bằng bốn thứ báu để cúng dường, đồng thời tấu âm nhạc nhiếp ý, khúc này đầy đủ trong đại bản Du-già.

Nếu khi dâng cúng hương xoa thì có hiến khúc hương xoa, hoa đèn, đồ ăn uống... cũng đều như vậy. Mỗi bài ca ngâm là một chân ngôn, mỗi điệu múa vui đều là một ấn, cho đến không có người hiểu thì A-xà-lê phải tự tấu. Nếu không thể như vậy thì không gọi là gồm tóm thâu các nghệ thanh. Nói nhiếp ý: Như người đời thấy sắc thanh hay đẹp tâm bị say đắm, tâm có chỗ trụ, không còn duyên cảnh khác. Nay kỹ nhạc kim cang này có công năng cảm động lòng người cũng giống như vậy, giống như Bồ-tát Mã Minh tự tấu khúc Lai Tra-hòa-la, năm trăm vương tử nghe cùng một lúc bỏ nhà vào đạo, chính là nghĩa ấy.

Trong Cù-hê chỉ nói, nếu phân biệt được thì nên làm âm nhạc. Kinh chép: Cát tường già tha... rất nhiều lời hay tốt. Bài tụng này gồm có ba thứ:

1. Tên là cát khánh.
2. Tên là cát tường.
3. Tên là cực cát tường.

Đều là A-lợi-sa già-tha, dùng đây thì an vui tâm kia, luôn có dụng gia trì, A-xà-lê phải tự nói.

Kế là văn dưới lại nêu ra một thứ Cát khánh, ở phương này sử dụng, đã gần khắp hết. Khi nói kệ này, phải tự cầm phất trần trắng để phủi quét than kia, tán tụng xong xuôi: A-xà-lê lại phải đảnh lễ tất cả chư tôn Mạn-đồ-la, phải làm quán đảnh cho nên ý thành thưa bạch, liền cầm bình báu từ từ đi quanh Mạn-đồ-la ba vòng xong, trở lại như pháp gia trì, đệ tử đến chỗ trước dùng chũr phạ làm hỏa, thiêu đốt thân kia đều

thành tro xong mới dùng bốn bình lần lượt mà rảy, rảy rồi quán trong tro này làm tự môn phạ kia, màu sắc hoàn toàn trắng, từ đây sinh ra năm chữ, đó là: A-sưu-lãm, hâm, khiếm, giữ năm tự luân kia sau nói chữ Ám ở trên đảnh kia chuyển thành giữa thai tạng, lại từ chữ này sinh ra ba lớp ánh sáng, một lớp vây quanh khắp trên cổ họng, tùy theo chỗ đã chiếu và các tôn vị hiện ra, liền thành Viện thứ nhất Mạn-đồ-la, kế đến một lớp ánh sáng vây khắp trên tim, các tôn vị tùy theo hiện ra thành lớp thứ hai Mạn-đồ-la, lại một lớp ánh sáng vây khắp trên rốn, các tôn vị tùy hiện trở thành lớp thứ ba Mạn-đồ-la.

Bấy giờ, đệ tử đều thành thân Mạn-đồ-la, nếu lại giải thích sâu hơn tức là thân phổ môn pháp giới, kế phải dẫn đến một chỗ, A-xà-lê đích thân đắp y, đầu đội mũ lụa trắng, dùng bột thơm xoa thân, dùng tràng hoa trang điểm, đốt hương, thắp đèn đúng như pháp cúng dường và buộc chữ kim cang ở bắp tay, cho đến cổ tay đeo xuyên, ngón tay mang nhẫn, phương pháp làm ra những thứ kia, như trong Tát-địa cúng dường có nói.

Lại A-xà-lê trước dùng chữ phạ gia trì Kim tỳ, chữ mãn gia trì vào gương sáng, chân ngôn pháp luân pháp loa gia trì pháp luân và vô ốc. Lại phải ở trước đệ tử, rồi lại dùng Kim Tỳ tốt lau chùi mắt kia để nói kệ. Phải quán tự môn phạ để sạch sự dơ chướng trong mắt kia, sau lại hiện ra trước chỉ bày gương sáng kia và để nói kệ, phải quán tự môn mạn để sạch sự dơ chướng trong tâm kia, lại đem pháp luân đặt giữa hai chân kia và trao vô ốc vào tay phải để nói kệ, đều dùng chân ngôn kia để trì. Vì sao? Vì nếu người tu hành kia có thể dùng tịnh nhãn hiện tại tự soi thấy tâm thì liền thành đại Bồ-đề, thành đại Bồ-đề rồi phải xoay bánh xe pháp. Xoay bánh xe pháp ấy không vì số lượng chúng sinh bao nhiêu mà làm giới hạn, mục đích là phải giác ngộ tất cả chúng sinh, vì thế gọi là thối pháp loa lớn. Trong Bí Mật Tông đều dựa vào sự tướng nhân duyên để dụ ý chỉ sâu xa, cho nên hành truyền trao như thế.

A-xà-lê sau đó phải cầm lọng dùng che trên kia, dẫn dắt bảo đi quanh Mạn-đồ-la ba vòng, trước hết vây quanh viện thứ nhất hành đạo, kế vây quanh viện thứ hai hành đạo, cuối cùng vây quanh viện thứ ba hành đạo. Như thế, A-xà-lê phải tụng kệ cát tường, cực cát tường... hoặc có thể tụng văn chữ Phạm Cát khánh đã khắp xong rồi, lại đến cửa phía Tây chỗ hai con rồng giữ gìn, dạy đệ tử kia ân cần lễ bái, lọng kia phải tùy theo trên dưới thân để mà che, liền phải vì nói kệ Tam-muội-da, đó là bốn giới trọng cấm trong Bí mật tạng, những thứ này đều là kệ A-lợi-sa, ở dưới sẽ giải thích. Cù-hê chép: Đệ tử đến cửa Tây lễ bái

xong, A-xà-lê phải bạch chư tôn rằng: Con (tên gì) cùng (tên gì) quán đảnh xong, nay thuộc về chư tôn giúp trì minh tạng, khởi thừa như vậy rồi, phải nên mở lọng bảo đê tử đứng dậy, ở trước Mạn-đồ-la vì nói giới Tam-muội-da: Nay ông đã thành tựu Mạn-đồ-la trì minh A-xà-lê xong.

Chư tôn Bồ-tát cho đến chân ngôn chủ, tất cả thiên thần đã cùng biết ông, nếu thấy chúng sinh có thể làm pháp khí, do thương xót kia, nên phải vì đê tử kiến lập Mạn-đồ-la mà dạy bảo truyền trao, nhưng trong kinh này tự có kệ truyền pháp loa, như ở phương Tây khi người đời thọ pháp quán đảnh, lấy nước bốn biển và nước tất cả sông ở trong bờ cõi, để đủ các thuốc quý như lúa, bắp... vẽ bản đồ trong bờ cõi, bảo đồng tử này ngồi trên tòa sư tử, dùng các thứ quý báu trang nghiêm toàn bộ quyển thuộc, tùy theo lớn nhỏ sắp bày theo thứ lớp, sư vi đà phạm chí ngồi ở voi báu, người đi sau cầm nước báu này rót vào ngà voi, khiến rơi trên đầu và sau lớn tiếng báo cho mọi người biết.

Lại khen ngợi, nói pháp của bậc hiền triết xưa dạy người, làm lợi ích cho đời. Hành giả thuận theo như thế, sẽ được tuổi thọ dài lâu, gốc cành lớn mạnh, được tiếp nối chuyển luân, nếu không làm như thế thì sẽ tự mất ngôi vị kia, mất thân không có kẻ nối dòng. Như thế mỗi mỗi chỉ dạy, nay Pháp vương tử này quán đảnh thì không sắp bày như thế, cõi Phật nghiêm mật là bức tranh thế giới to lớn, ngồi trên tòa sư tử ở hoa sen diệu pháp thần thông tự tại, rảy nước trí tuệ từ bi của bản tánh thanh tịnh chứa đủ muôn đức vào tâm kia.

Bấy giờ, các chúng Bồ-tát, dưới đến tám bộ chúng sinh, đều hoan hỷ khen ngợi và sinh tôn trọng kính mến, lúc ấy, A-xà-lê đem di huấn của pháp vương mà dạy bảo, từ đây về sau sẽ được sinh trong nhà định của Như lai, nối tiếp địa vị Phật. Nếu không có trí tuệ hướng về như thế thì không biết tôn trọng chánh pháp.

Kệ cát khánh A-lợi-sa: Lạc ngật sáp nhị đạt la kiến giả nãng bát lạt ma đà bà tất đất lý mãn la bát ra (la) hê noa một độ vi một đản mẫu xà bát đất la nên đất lô đất đồng nghiê lam bát ra tha môn bát ra đố nan.

Đế nộ ba nễ sắt tra bát ra, phạ ra tất đất phạ điếu chủy dã khế đa tất đất lý lộ kế nại ra nê phạ bố nễ dã đạt ra mộ chiêm mãn phiến để yết ra bát ra xả nan lộ kế nễ vĩ để duyên du (thâu) bà đồng nghiê lam, tất đạt lạt ma dục ngật đa thất lỗ để mông nghiê la trì tà lãng cù đản lạt nê phạ tố la nặc ngật lý nhị dã hiệt lý thất lý ngu ninh trì gia bát ra ninh nan kế đất lý để duyên du bà đồng nghiê đãm duệ đồng nghiê lam đố sử đa

nê phạ vi mãng năng nghiệt lạt sa na từ nễ hà phạ đa la đố nhược nghiệt đố hệ đa dã tất ấn nại lại tố lại bát lý vật lạt đất tả đất đồng nghiệt bà phạ đố phiến để yết lam đá phạ nễ dã duệ đồng nghiệt lam bồ la phạ lê, ca tỳ la ha phạ duệ giá nễ phệ Ma-ha ty ỹ sắt mặt đá phạ nễ nễ đất tả a tứ na chấn để dã đản xá la tả đất tha nghiệt đa tả, đồng nghiệt lam bà phạ đố phiến để yết lam, nễ dã duệ đồng nghiệt lam chỉ Sa-la du nhập phạ la bồ sáp ba na đề lam mê già cức nhị ni sinh ma hộ nê, phạ nhũ sắt, năng tha tả nhiên mẫn nễ phạ bộ phạ bà phạ ta ca tả đất đồng nghiệt lam, bà phạ đố phiến để ca lam vĩ vĩ đà nậu khư nhượng thiết năng da đố sắt thất dã, đất bố phạ năng mẫn ty ỹ một la, nhược đố lại đà la đất lê, a tứ tố lại bá lý vật lạt đất tả nạp mãng, tất ngật lạt đất tả đất đồng nghiệt lam, bộ nhược già la xà, nạp mãng tất ngật lạt, đất tả, nại nễ dạ, tát đà, bát lý vật lạt đất tả hệ giả sái bán để dã, mãng nại bộ, đơn, mẫn bộ ốt bà phạ, tô nại năng tả, đất đồng nghiệt lam bà phạ đố, phiến để ca lam, đất phạ nễ dã duệ đồng nghiệt lam bạt già phạ đố tốt lỗ mãng la xa, mộ lê muội để lý mặt lệ năng, vi nhĩ đế mạc hồ, mang la bát ngật sô nhượng nhượng bát ra ca la mãng bà phạ, na bộ, vĩ chiêm mặt lệ giả, đất đồng nghiệt lam, bà phạ đố, phiến để ca lam, đất phạ, nễ dã duệ, đồng nghiệt lam, bát la, pha na đố phạ la, dã la mãng chước ngật lệ phạ nại tứ tất lam đa, phụ đa, tô nghiệt đất tả, xá tốt đố hạt để bộ đơm bộ phí phạ bộ bà phạ đa ca tả, đất diệt nghiệt lam, bà phạ đố phiến để ca la, đất pha nễ dã duệ, đồng nghiệt lam, hệ đa yết lam, bát la môn bả vĩ đất lam bốn nật giả ngật lý da ca la ninh mang lý dã nhược nhượng tỳ ngũ sắt ngật lạt thước nhược già na bạt già phạm mâu ni ta ngật dã tăng ha đất đồng nghiệt lam bà phạ đố phiến để ca lam đất phạ nễ da.

*Giữ các đức tốt lành*

*Đủ tướng Kim sơn quang*

*Thầy dẫn dắt ba đời*

*Trừ diệt ba thứ cấu.*

*Mở bày mắt chánh giác*

*Giống như nước sinh hoa*

*Làm lợi ích chúng sinh*

*Là mừng vui trên hết.*

Trên đây trước nói tất cả điều tốt lành. Sở dĩ được sinh đều do Như lai ra đời, cho nên văn Phạm nói lạc-ngật-sáp-nhị, Hán dịch là điềm tốt lành hoặc nói tướng đầy đủ, cũng là nghĩa phúc lành, cũng là nghĩa điềm tốt lành, nghĩa tốt lành, nghĩa an lành, nghĩa oai đức, nghĩa tướng mạo tốt đẹp, phải biết tên này bao gồm tất cả công đức, do đó hội ý để

nói. Câu tiếp theo nói khai phu cũng là nghĩa giác ngộ, thủy sinh là tên khác của hoa sen. Vì đầy đủ nghĩa như vậy, nên Như lai ra đời nhiều loài được lợi ích, vì thế nói phúc lành bậc nhất, hoặc tốt đẹp, hoặc nói mừng tốt, đại thể giống nhau.

*Và điều Phật giảng nói  
Pháp bất động bậc nhất  
Chỉ bày trong ba cõi  
Trời người nên cúng dường.  
Pháp cao quý làm cho  
Chúng sinh mãi vắng lặng  
Cho nên là niềm vui  
Thứ hai của thế gian.*

Ở trên, tất cả Thế-tôn đã nói, rất ráo đều đến mé thật bậc nhất nên gọi là pháp.

Vô động, tiếng Phạm là: Khế-đa nghĩa là giảng nói, cũng là nghĩa mở bày. Trong đây, ba cõi: Bản Phạm nói đúng là ba đời. Ý chung cho cả quá khứ, hiện tại và vị lai và đến ba cõi, do có thể khắp chỉ bày cho thế gian mé thật bậc nhất, cho nên tất cả trời người đều nên cúng dường pháp ấy, để báo đáp ân đức lớn lao. Tiếng Phạm là Phiến-đề-yết-ra, Hán dịch là Tác tịch, tác này là năng tác, năng nghĩa là khiến có thể đắc; pháp này có thể giúp chúng sinh giác ngộ tất cả bản tánh thường tịch, trong ngoài các chướng rất ráo không sinh, vì thế nói vắng lặng hẳn, ở dưới so sánh mà biết. Do Như lai xuất hiện ở đời thì hay nói pháp này, do đó nói là điều lành thứ hai.

*Pháp chánh mẫu tương ứng  
Được niềm vui học rộng  
Trời, người, tu-la thấy  
Nên cúng tặng, ruộng phước.  
Nhiều điềm lành, hổ thẹn  
Nhiều công đức thù thắng  
Cho nên là niềm vui  
Thứ ba là thế gian.*

Ở trên, tiếng Phạm là Tác-đạt-lạt-ma, Hán dịch là Chánh Pháp, hoặc dịch là Diệu pháp, vì đủ câu cho nên ở đây còn đầy đủ. Trong đây tương ứng, tiếng Phạm là Dục-ngật-đa, nghĩa là nên hiệp như vậy, tức nghĩa là khế hiệp Minh phủ, hơi khác với Du-già. Câu tiếp theo nói, do nghe nhiều pháp này nên hạnh và lý hiệp nhau, đó là niềm vui lớn, cho nên nói là ưa học rộng. Căn cứ theo dịch đúng phải dịch là phú văn, ở



đây thuận theo cách dịch xưa.

Lại, ứng cúng này, tiếng Phạm khác với A-la-ha, ứng cúng ở đây là các trời, người... vì cầu phước cho nên nghĩa phải nên cúng dường. Đầu bài kệ thứ hai nói “Phú” giống với nghĩa phú ở văn trước, cũng là nghĩa đầy đủ không thiếu, nhiều tốt lành, nhiều hổ thẹn và nhiều công đức.

Cuối câu nói Chúng, là chỉ cho đồng, nhiều, khác với Tăng-già trong tiếng Phạm. Tăng-già có cả nghĩa hòa hợp, do khi chánh pháp hưng thịnh ở thế gian thì có người tu hành hưởng đến quả, vì thế nói phúc lành thứ ba.

*Như ở trời Đâu-suất-đà  
 Khi ở trời thì vui  
 Đến đều từ trời xuống  
 Lợi ích các chúng sinh.  
 Đế-thích, chúng Thiên thân  
 Theo sau Đức Như Khứ  
 Nay ông được đồng kia  
 Là điềm lành tác Tịch.*

Chữ tàng trên đây, tiếng Phạm nói Nghiệt-lạt-bà-la ẩn ở trong tâm, trong thai tạng, cùng với Tỷ-tra-ca-câu-xá... Ý kia mỗi mỗi khác nhau.

Như Bồ-tát ở trên cõi trời và khi từ trời giáng xuống ở thế gian có vô lượng, vô biên việc tốt lành, như kinh Hoa Nghiêm... có nói rộng.

Tu-la: Tức là chúng chư Thiên, vì muốn phân biệt khác với chư Thiên nên gọi là A-tu-la.

Luận Lập Thế... nói là phi thiên.

Lại Đát-tha-yết-đa, Hán dịch là Như lai, lại gọi là Như Khứ, Nghĩa là từ Đạo Như thật đi, đến trong Niết-bàn, không còn sinh trở lại, vì thế gọi tên là Như Khứ, dùng giải thích theo thiên hạ, thời cơ đối với nghĩa được thuận tiện, cho nên văn xen nhau. Nếu tầng trời Đâu-suất có Bồ-tát bổ xứ thì hạt giống Phật ở thế gian không dứt, như người trong Bí mật tạng, cho đến trong một đời hoặc thành chánh giác, vì thế nói phúc đồng với kia.

*Như ở Ca-tỳ-la  
 Khi cung thành vui đẹp  
 Các trời oai đức lớn  
 Khen ngợi và làm lễ.  
 Giống như không nghĩ bàn*

*Như thật mà khéo đến  
Nay ông được đồng kia  
Điều tốt lành tác tịch.*

Trong bản Phạm, như niềm vui kia tức là bao gồm nghĩa thời. Ở dưới so sánh mà biết. Đây là khi Bồ-tát ở trong thai, tất cả thế gian có vô lượng việc tốt lành, cũng như phẩm Nhập pháp giới, ly thế gian trong kinh Hoa Nghiêm có nói rộng, cho đến chúng Đại Bồ-tát trong mười phương nhiều vô lượng đồng nhóm họp ở trong bụng, để nghe pháp, thế nên không thể suy nghĩ bàn luận, hợp với ý nghĩa Như Khứ trong bài kệ trước.

Nay cho đến giải thích thành Chánh giác, giải thích điều đó cũng hướng vào thế lực ý nghĩa cho tiện; như Bồ-tát tuy ở trong thai, tất cả các vị trời Đại oai đức đều tán dương làm lễ. Nay ông cũng ở trong hư không nhân, Phật Mẫu tạng, mà giá Thánh thai, cho nên tám bộ rồng thần đều cùng tôn kính, vì thế nói phúc đồng kia.

*Vui như ở vườn hoa  
Hoa ánh sáng điểm khắp  
Rừng Vi-ni vui đẹp  
Vô lượng các trời ở  
Đạo sư vừa đản sinh.  
Thân đời sau không còn  
Ông nay được đồng kia  
Điều tốt lành tác tịch.*

Tiếng Phạm là Chỉ-sa-la-du, trên cây trong rừng này có hoa, trên cành lá, kể nói Bồ-sáp-ba, chính là xem thể hoa, giống như loại hoa trắng, hoa rời, đều dùng tên này, vì thế câu trên đem vườn hoa để phân biệt. Khi Bồ-tát mới đản sinh, ở tất cả thế gian cũng có vô lượng điểm tốt lành, cho đến vô lượng chúng trời... vì cúng dường nên đều nhóm họp ở vườn rừng Vi-ni, lại có vô lượng Bồ-tát giải thoát không thể suy nghĩ bàn luận, cũng như bóng mây và ánh trăng đồng thời sinh ra. Nay ông cũng ở trong Bí mật tạng mới được đản sinh, tất cả pháp môn quyền thuộc đều đã bắt đầu phát động. Nếu người mạnh mẽ tinh tấn tu hành thì cũng là thân mé sau sinh tử, cho nên được vui đồng với kia.

*Như khi dứt các khổ  
Của tại gia thì vui  
Nửa đêm tâm hoan hỷ  
Đi đến chỗ khổ hạnh.  
Cũng như các chúng trời*

*Vây chung quanh kính lễ Nay ông được  
đồng kia Điều tốt lành tác tịch.*

Đây là khi Bồ-tát mới xuất gia, bản Phạm chỉ nói diệt trừ các thứ khổ, chính là bao gồm nghĩa tại gia. Có chỗ nói xa lìa các thứ khổ ân ái trói buộc của người tại gia.

Khổ hạnh xứ: Tiếng Phạm dịch đúng phải là Tu Thân xứ (chỗ tu thân), như Bồ-tát khi mới vượt thành đến chỗ tu thân, tất cả thế gian có vô lượng, vô biên việc tốt lành, cũng như Hoa nghiêm... có nói rộng.

Bấy giờ, chúng trời Tịnh Cư cho đến các vị trời hộ thế đều rất hoan hỷ, biết hoa Ưu-đàm “Chánh Biến Giác” không lâu sẽ nở tròn, thấy đều vây quanh đánh lễ, hoặc tự thân nương chân ngựa mà đem phẩm vật kính cúng, nay ông cũng ở trong Bí mật tạng, bắt đầu chia tay cha mẹ Vô Minh, đi đến chỗ tu thân Sơ Pháp Minh Đạo, phải biết trời Tịnh-Cư v.v... cũng đều hoan hỷ kính lễ, biết rằng không lâu cũng đồng như Thế-tôn, cho nên nói được vui như thế.

